

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVII**  
**thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành**  
**Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại**  
**hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”**

-----

Quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW*), Kế hoạch số 13-KH/TW, ngày 28/11/2022 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, họp ngày 21/3/2023 thống nhất ban hành Chương trình hành động thực hiện với những nội dung sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

Trong những năm qua, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản<sup>1</sup> lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển công nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh, giai đoạn 2010 - 2020 bình quân đạt 7,9%/năm. Các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế tăng dần qua các năm<sup>2</sup>; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng năm 2022 tăng 2,63 lần so với năm 2015<sup>3</sup>. Công tác quy hoạch phát triển ngành công nghiệp được quan tâm, tập trung thực hiện phù hợp với thực tiễn địa phương<sup>4</sup>. Các dự án công nghiệp năng lượng tái tạo từng bước được hình thành với tổng công suất điện đã hoàn thành công tác xây lắp tính đến

<sup>1</sup> Chương trình hành động số 57-CTHĐ/TU, ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

<sup>2</sup> Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng + dịch vụ trong tổng giá trị sản phẩm của tỉnh: Năm 2015 là 69,73%; năm 2016 là 71,26%; năm 2017 là 73,17%; năm 2018 là 73,77%; năm 2019 là 74,57%; năm 2020 là 73,70%; năm 2021 là 74,13% và năm 2022 là: 75,22%.

<sup>3</sup> Tổng GRDP lĩnh vực công nghiệp, xây dựng (theo giá hiện hành) năm 2015 là 4.535,64 tỷ VNĐ; năm 2022 là 11.932,27 tỷ VNĐ.

<sup>4</sup> Đến nay, tỉnh đã có 05 khu công nghiệp (KCN), 02 khu kinh tế (KKT) và 17 cụm công nghiệp (CCN) đã có quyết định thành lập, trong đó: 02 KCN đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đi vào hoạt động; 03 KCN đang triển khai hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng; các CCN trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã từng bước phát huy hiệu quả thu hút đầu tư và di dời các cơ sở sản xuất vào CCN.



thời điểm cuối năm 2022 là 1.006,5MW<sup>5</sup>. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, liên tỉnh; kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư<sup>6</sup>. Hạ tầng công nghiệp nông thôn từng bước được chú trọng. Các thành phần kinh tế (*trong và ngoài nhà nước*) trong lĩnh vực phát triển công nghiệp đi vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo ra được nhiều sản phẩm đặc trưng của địa phương, phù hợp nhu cầu thị trường, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

*Tuy nhiên, kết quả thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn nhiều hạn chế*, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa đạt so mục tiêu kế hoạch đề ra, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp, phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương; tỷ trọng ngành công nghiệp trong tổng giá trị sản phẩm còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế. Nhiều dự án đã được cấp chủ trương đầu tư nhưng chậm triển khai thi công xây dựng; dự án sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp hầu hết quy mô nhỏ, sản phẩm có giá trị gia tăng còn thấp, chủ yếu gia công; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp còn thấp; nhiều cơ sở sản xuất tại một số khu công nghiệp chưa đảm bảo về vấn đề môi trường. Hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư đồng bộ. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; hệ thống xử lý nước thải tại nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng.

*Nguyên nhân của những hạn chế là do:* Tích lũy nguồn lực từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh còn hạn chế; nguồn vốn đầu tư công của Trung ương bố trí, hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu cho phát triển công nghiệp của tỉnh giảm; sức cạnh tranh về thu hút đầu tư trong khu vực ngày càng gay gắt. Năng lực, kinh nghiệm của nhiều nhà đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, tiến độ triển khai các dự án còn chậm; có nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là công tác quản lý đất đai, công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục đầu tư, hệ thống pháp luật liên quan đến đất đai, đầu tư chưa thống nhất... Việc thực hiện chính sách phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến còn nhiều khó khăn, vướng mắc và chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi do thiên tai lũ lụt xảy ra thường xuyên, dịch bệnh diễn biến phức tạp, điều kiện tự nhiên không thuận lợi. Tính chuyên

<sup>5</sup> Tỉnh đã quy hoạch 31 dự án điện gió với tổng công suất 1.177,2MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 149,5MWp; 02 dự án điện khí với tổng công suất 1.840MW và 18 dự án thủy điện với tổng công suất 260,5MW. Đến nay, đã có 19 dự án điện gió với tổng công suất lắp đặt 714MW, đưa vào vận hành thương mại 671,1MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất 125MW và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5MW cũng đã đưa vào vận hành thương mại.

<sup>6</sup> Ban Thường vụ Tỉnh ủy đang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và sớm hoàn thành các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm của tỉnh như Cảng biển Mỹ Thủy, cảng hàng không Quảng Trị, cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, cao tốc Vạn Ninh - Cam lộ; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây..., Mở rộng Quốc lộ 1A, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 9, cao tốc Cam Lộ - La Sơn; đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, cảng biển Cửa Việt...



môn hóa trong sản xuất chưa cao, các vùng nguyên liệu còn manh mún. Nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ một số nơi còn có mặt hạn chế, chưa phát huy được các tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong quá trình phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm chỉ đạo**

- Tiếp tục đổi mới tư duy, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị và nhân dân, quyết tâm đưa Nghị quyết số 29-NQ/TW đi vào cuộc sống nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và tỉnh nói riêng theo đúng định hướng mục tiêu, quan điểm của Nghị quyết đề ra, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Nâng cao nhận thức, phát huy ý thức trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, nêu gương của các cấp uỷ, tổ chức đảng, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở. Xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, trong đó, nội dung cốt lõi, xuyên suốt của giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là tận dụng tốt cơ hội, thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và kinh tế số, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế; tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu. Coi phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt; chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình, giải pháp và bước đi cụ thể, chắc chắn; có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp với thực tiễn địa phương để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu



tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao dựa trên lợi thế so sánh của tỉnh; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá.

- Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ con người, sức mạnh đại đoàn kết của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030**

Xây dựng nền công nghiệp với năng lực sản xuất mới, khả năng thích ứng, chống chịu cao; nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, công nghệ cao. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành một số ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao theo hướng bền vững để công nghiệp tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và xây dựng chuỗi giá trị gia tăng cho các sản phẩm hiện có; phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước; cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ và là một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung.

Phát triển ngành công nghiệp đa dạng về cơ cấu, đảm bảo hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập trên cơ sở khai thác tiềm năng lợi thế của vùng duyên hải miền Trung và hành lang kinh tế Đông Tây để phát triển mạnh các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng. Kết nối hai vùng phát triển điện năng bao gồm điện gió, thủy điện, thủy điện tích năng ở phía Tây và nhiệt điện, điện khí, điện mặt trời, điện gió ở phía Đông, tỉnh Quảng Trị phấn đấu trở thành trung tâm năng lượng ở miền Trung vào năm 2030. Xây dựng tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

### **2.2. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030**



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 là 8,2%; GRDP bình quân đầu đến năm 2030 đạt trên 160 triệu đồng<sup>7</sup>.

- Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 đạt 14,85%/năm<sup>8</sup>. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 37% GRDP; dịch vụ đạt 47,5% GRDP; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 70,4% GRDP khu vực công nghiệp; đóng góp của ngành công nghiệp trong tăng trưởng toàn nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2030 là 33,03%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 36%.

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 43% - 46%. Đảm bảo 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- Hỗ trợ tối đa về các thủ tục pháp lý, cấp chủ trương đầu tư, hoàn thành các dự án động lực quan trọng trong Khu kinh tế Đông Nam gồm: Khu bến cảng Mỹ Thủy - giai đoạn 1, Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1-1500MW, Nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340MW, Trung tâm công nghiệp khí Quảng Trị, Cảng hàng không Quảng Trị - giai đoạn 1, Hệ thống cấp nước khu kinh tế Đông Nam, Khu liên hợp gang thép, các dự án điện gió... sớm đi vào vận hành thương mại theo tiến độ kế hoạch.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 03 khu công nghiệp đã được thành lập gồm: Khu công nghiệp Quảng Trị, Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá; tỷ lệ lấp đầy đến năm 2030 đạt trên 80%. Hoàn thành thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quán Ngang - giai đoạn 3, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy đạt trên 80%.

- Hoàn thành việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại Khu công nghiệp Nam Đông Hà (*ra khỏi khu vực đô thị thành phố Đông Hà*) để phát triển theo hướng Khu công nghiệp sạch, công nghệ cao.

- Hình thành, hỗ trợ và kêu gọi đầu tư xây dựng mới kết cấu hạ tầng để thu hút đầu tư các cụm công nghiệp, gồm: Cụm công nghiệp vùng Đông Vĩnh Linh, Cụm công nghiệp phía Tây Vĩnh Linh, Cụm công nghiệp thị trấn Gio Linh, Cụm công nghiệp Cửa Việt, Cụm công nghiệp Cam Hiếu 2, Cụm công nghiệp Thượng Lâm, Cụm công nghiệp Cù, Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong, Cụm công nghiệp Tà Rụt và mở rộng Cụm công nghiệp Cam Tuyên.

<sup>7</sup> Theo NQ 26-NQ/TW: Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ đạt khoảng 7 - 7,5%/năm. GRDP bình quân đầu người vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành).

<sup>8</sup> Trong đó giai đoạn 2021-2025, đạt 14,35%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 15,36%/năm



### **III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tăng cường nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; nâng cao nhận thức của các cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với việc xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án có liên quan. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện.

- Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải các - bon thấp. Cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

#### **2. Triển khai cụ thể hóa các thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương**

- Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết, chương trình hành động, chiến lược thực hiện và các cơ chế, chính sách liên quan do Trung ương ban hành về thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách của tỉnh đã được ban hành theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn về phạm vi, đối tượng, giải pháp về nguồn lực thực hiện, bảo đảm phát huy hiệu quả. Nhất là, cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các khu kinh tế cửa



khẩu, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị; hỗ trợ phát triển khai thác xa bờ; chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu, xuất khẩu dịch vụ; chính sách thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách khuyến khích hình thành các vùng sản xuất tập trung; chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao; thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành mới một số cơ chế, chính sách tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như: Chương trình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp; chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; cơ chế chính sách thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, các dự án động lực, phát triển mạnh các dịch vụ du lịch, thương mại, vận tải, thông tin truyền thông, tài chính - ngân hàng; cơ chế chính sách phát triển khu phi thuế quan, dịch vụ logistic. Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và ứng dụng thương mại điện tử. Đề án, chính sách phát triển và kinh doanh rừng gỗ lớn. Cơ chế, chính sách khuyến khích và đẩy mạnh thu hút nguồn vốn xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Chính sách về huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng viễn thông tốc độ cao, liên vùng, hiện đại, an toàn thông tin, đảm bảo kết nối cho nền kinh tế số. Đề án về cơ chế tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

### **3. Xây dựng và phát triển nền công nghiệp của tỉnh vững mạnh theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương**

- Căn cứ vào đặc điểm địa hình, khí hậu thời tiết, môi trường sinh thái, vị trí địa lý nằm trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây và trung điểm đất nước, mối liên kết vùng để nghiên cứu, kế thừa hiện trạng, quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tổ chức không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển và trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây; tích hợp vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng giảm dần các ngành sản xuất thâm dụng đất đai, lao động, giá trị gia tăng thấp, hạn chế và tiến tới loại bỏ các ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường; tăng tỷ trọng các ngành, lĩnh vực sản xuất có hàm lượng cao về công nghệ, tri thức, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường.

- Xác định năng lượng tái tạo là ngành trọng điểm, với mục tiêu xây dựng



Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030. Tập trung phát triển các nguồn nhiệt điện khí và công nghiệp khí tại khu vực Đông Nam của tỉnh đã được có trong quy hoạch điện quốc gia; Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo tại những khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên; Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ nguồn điện, đặc biệt là các công trình lưới điện 500 KV nhằm củng cố liên kết giữa tỉnh Quảng Trị với lưới điện truyền tải quốc gia; Tiếp tục phát triển lưới điện cấp cho phụ tải, nhằm đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, bao gồm: (1) Công nghiệp chế biến gỗ: còn nhiều dư địa phát triển dựa trên vùng nguyên liệu lớn tại Quảng Trị cũng như các vùng lân cận, phấn đấu đưa đồ gỗ Quảng Trị trở thành thương hiệu địa phương nổi tiếng của Việt Nam và quốc tế; (2) Công nghiệp chế biến thủy sản: Gắn công nghiệp chế biến thủy sản với khai thác, nuôi trồng, sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu có lợi thế của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, SQF, ISO... đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản trực tiếp sang các nước EU, Mỹ và các thị trường khác; (3) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản khác được phát triển để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm.

- Tập trung mọi nguồn lực xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, năng động, hiệu quả và phát triển bền vững là cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh; trong đó, hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, lập và phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng khu kinh tế - giai đoạn 3. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đôn đốc, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai hoàn thành các dự án trọng điểm, động lực trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng như: Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1-1500MW, Nhà máy điện tua bin khí hỗn hợp Quảng Trị 340MW, Trung tâm công nghiệp khí, Khu liên hợp gang thép...

- Nâng cao chất lượng hoạt động và thu hút đầu tư các khu công nghiệp hiện hữu như Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Khu công nghiệp Quán Ngang. Mở rộng diện tích Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá, Khu công nghiệp Quán Ngang - giai đoạn 3 theo quy hoạch đã phê duyệt. Triển khai các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Quảng Trị, Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá. Xây dựng, hình thành khu công nghiệp mới gắn với sân bay Quảng Trị và các hạ tầng động lực được đầu tư. Hỗ trợ đầu tư, hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư để lấp đầy các cụm công nghiệp đã thành lập và quy hoạch; xây dựng các cụm công nghiệp mới đáp ứng nhu cầu phát triển trên địa bàn trong các giai đoạn



tới; quan tâm đầu tư hệ thống xử lý chất thải trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường hiện hành.

**4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo**

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, bền vững. Tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản gắn với phát triển các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp; tăng cường đầu tư cho ứng dụng khoa học - công nghệ và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; liên kết theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hóa. Hình thành, phát triển một số khu, cụm sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại và phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh công nghiệp chế biến, nhất là nâng cao năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu gắn với xây dựng sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế hiện đại gắn với bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo. Hình thành trung tâm nghề cá lớn tại Cửa Việt và Cửa Tùng; xây dựng đảo Cồn Cỏ thành căn cứ hậu cần nghề cá khu vực theo hướng lưỡng dụng.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả, theo chuỗi giá trị từ giống, trồng chăm sóc, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; Tập trung phát triển diện tích rừng gỗ lớn để được cấp chứng chỉ rừng (FSC) phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT và Luật lâm nghiệp. Xây dựng cơ chế chính sách, kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu, xúc tiến thị trường, đầu tư phát triển cơ sở hạ



tầng, huy động các nguồn lực, các chính sách khuyến khích về lao động phù hợp với điều kiện địa phương và các điều kiện đảm bảo khác... để phấn đấu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung<sup>9</sup>.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Xây dựng và hình thành các trung tâm logistic tại khu vực các cửa khẩu quốc tế, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, các địa phương có điều kiện thuận lợi trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm nâng cao và phát huy hiệu quả kết nối giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh, thành trong cả nước và các nước trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

### **5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh**

- Đẩy nhanh việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ của khoa học và công nghệ, nhất là các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế số vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực, trong đó, chú trọng đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và khu vực các cụm liên kết ngành, tập trung vào các ngành có giá trị xuất khẩu và doanh thu cao như dệt may, da giày, chế biến gỗ, chế biến nông sản, dược liệu... Đẩy mạnh hiệu quả, nâng cao năng lực và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp thông qua đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án thu hút nguồn nhân lực khu vực công; Đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực tư với chính sách ưu tiên về nhà ở, điều kiện sinh hoạt để thu hút lao động chất lượng cao cho các ngành kinh tế và Đề án thành lập Trung tâm đào tạo nghề cho toàn bộ khu vực, cung cấp ra thị trường lao động cho toàn Vùng và trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong công tác đào tạo nguồn nhân lực. Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các tổ

<sup>9</sup> Theo Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh đến năm 2025 phê duyệt tại Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh.



chức khoa học & công nghệ. Hỗ trợ xây dựng Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và thông tin khoa học & công nghệ và Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyên giao công nghệ.

**6. Tập trung đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

- Triển khai các giải pháp kêu gọi, tìm kiếm và sử dụng hiệu quả tối đa các nguồn lực công, nguồn lực tư, nguồn lực xã hội để tập trung đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và hiệu quả để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; ưu tiên phát triển về hạ tầng giao thông nội tỉnh, kết nối liên vùng Bắc Trung bộ và các tỉnh Duyên hải miền Trung, trên tuyến Hành lang kinh tế Đông – Tây, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đường bộ địa phương đảm bảo kết nối đồng bộ, hiệu quả với các loại hình giao thông quốc gia và khu vực. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới việc liên kết giữa các trung tâm đô thị, công nghiệp, dịch vụ tới các đầu mối giao thông quan trọng như Khu bến cảng Mỹ Thủy, Cảng hàng không Quảng Trị... và giữa mạng lưới đường tỉnh kết nối với đường bộ cao tốc quốc gia. Bên cạnh đó, đầu tư có trọng điểm đối với một số khu vực có ưu thế phát triển loại hình vận tải thủy nội địa như tuyến sông Hiếu, sông Bến Hải... nhằm từng bước cải thiện năng lực vận tải đường thủy nội địa, hỗ trợ kết nối thuận lợi với hệ thống cảng biển, qua đó tạo tiền đề cho việc phát triển loại hình vận tải sông pha biển.

- Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc nhất là công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ triển khai và hoàn thành các dự án giao thông đang thực hiện, nhất là các dự án giao thông trọng điểm như: đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây, cao tốc Vạn Ninh - Cam Lộ, tuyến tránh Quốc lộ 1 phía Đông thành phố Đông Hà... từng bước cải thiện năng lực kết nối theo trục ngang Đông - Tây thông qua việc cải tạo nâng cấp và đầu tư mới các tuyến giao thông hiện có như: quốc lộ 9D, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9, đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây. Xây dựng mới các trục đường kết nối liên vùng, liên tỉnh như: tuyến tránh phía Tây Quốc lộ 1, đường nối Quốc lộ 1 với cảng hàng không Quảng Trị...

- Tiếp tục huy động đa dạng hoá các nguồn lực để sớm triển khai đầu tư một số dự án giao thông trọng điểm có vai trò then chốt, kết nối trong khu vực và quốc tế như: cao tốc đường bộ Cam Lộ - Lao Bảo; quốc lộ 15D, cảng hàng không Quảng Trị, cảng nước sâu Mỹ Thủy, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường sắt quốc gia



trên địa bàn... phấn đấu đến năm 2030, hệ thống giao thông tỉnh sẽ hình thành đủ 5 phương thức vận tải (*đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa*).

- Chú trọng công tác quản lý đô thị, tổ chức không gian đô thị bảo đảm các tiêu chuẩn đô thị hiện đại, bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghiên cứu mở rộng không gian và phát triển các khu đô thị mới theo hướng đô thị sinh thái, đô thị xanh; đô thị hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung hoàn thành công tác quy hoạch chuỗi đô thị ven biển gắn với tuyến đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây và Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, quy hoạch khu đô thị sân bay gắn với khu vực quy hoạch Cảng hàng không Quảng Trị.

### **7. Cơ cấu lại và phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt chủ trương của Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút FDI. Tập trung nghiên cứu cơ chế huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đẩy mạnh giải pháp khơi thông nguồn lực; thúc đẩy kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực, kinh nghiệm đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh trên địa bàn tỉnh, ưu tiên công nghiệp tái tạo, công nghiệp chế biến, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao... đặc biệt là mục tiêu thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến, quản trị hiện đại.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển của tỉnh; tận dụng, khai thác hiệu quả mạng lưới các đối tác chiến lược, toàn diện để xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghiên cứu thiết lập quan hệ đối tác chiến lược trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, phát triển xanh, bền vững.



**8. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác, kết nối quốc tế sâu rộng, hiệu quả với các nước trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây**

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường trên nền tảng kỹ thuật số hiện đại. Thực hiện hoàn thành và chuẩn hoá hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai và tài nguyên vào năm 2025. Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện giao đất, cho thuê đất chủ yếu theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch và theo quy định pháp luật về đất đai, đầu tư và quy định pháp luật có liên quan. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thực hiện thoái vốn, cổ phần hoá theo phương án sử dụng đất được duyệt, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án theo quy hoạch.

- Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; sẵn sàng phương án khắc phục khi có sự cố thiên tai, ô nhiễm môi trường. Tập trung giải quyết các vấn đề về môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu. Khuyến khích xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các - bon thấp hướng đến phát triển bền vững. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường; khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên. Có lộ trình phù hợp tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái sử dụng, tái chế chất thải. Đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ xử lý chất thải có kết hợp với thu hồi năng lượng, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, khuyến khích, phát triển sử dụng năng lượng mới đem lại hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với Hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây theo tinh thần Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó, tập trung hoàn thiện, triển khai thí điểm và đưa vào hoạt động hiệu quả Đề án khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo – Đền Saven.

**9. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, con người Quảng Trị trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;**



### **thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh**

- Xây dựng “nếp sống văn hóa - văn minh”, phát triển con người Quảng Trị phù hợp với hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa, công nghệ số gắn với phát triển du lịch tâm linh, du lịch về nguồn, du lịch trải nghiệm. Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu xây dựng các sản phẩm văn hóa đặc trưng, tiêu biểu có tính sáng tạo, có sức cạnh tranh trong khu vực<sup>10</sup>. Phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch văn hóa, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, cung cấp cho du khách cơ hội trải nghiệm, tìm hiểu về mảnh đất con người Quảng Trị thông qua các hoạt động du lịch đặc sắc, đưa hình ảnh Quảng Trị đến gần hơn với bạn bè quốc tế.

- Triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách sớm khắc phục khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; chênh lệch về mức thụ hưởng văn hóa giữa các nhóm xã hội, các cộng đồng dân cư.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; khuyến khích và đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của công nhân và người có thu nhập thấp, bảo đảm đáp ứng đồng bộ hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa của các khu nhà ở, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất.

- Huy động nguồn lực cho chương trình giảm nghèo theo từng giai đoạn, nâng chuẩn nghèo phù hợp với đời sống người dân. Khuyến khích và có chính sách ưu đãi phát triển đa dạng các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân; đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh và

<sup>10</sup> Như: Thành Cổ Quảng Trị, di tích lịch sử quốc gia đôi bờ Hiền Lương, địa đạo Vịnh Mốc, Trung tâm hành hương Đức Mẹ La Vang, Đền thờ vua Hàm Nghi tại di tích thành Tân Sở... và rất nhiều di tích văn hoá, lịch sử trên địa bàn tỉnh đã được xếp hạng.



ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện Chương trình hành động; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Chương trình hành động; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Các Ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Liên minh HTX tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(b/c)

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**



**Lê Quang Tùng**



